TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiển và Ông Lê Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:Ông Tống Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2021, về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Hồng H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 08/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Bùi Hồng H kết hôn ngày 24/11/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị H, anh H sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, ngoài giờ làm việc thì anh H còn chơi game nên thường xảy ra mâu thuẫn, anh chị từ năm 2015 cho đến nay không quan hệ vợ chồng. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H.

-*Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Bùi Hồng H có 01 con chung là Bùi Nguyên K, sinh ngày 04/7/2015. Chị H có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành. Chị H công tác tại cơ quan B huyện K với mức lương hàng tháng khoảng 5.100.000 đồng, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Bùi Hồng H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Hồng H thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị Mỹ H kết hôn ngày 24/11/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Giữa anh và chị H cùng làm chung cơ quan B huyện K. Trong thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã bỏ đi thời gian khoảng nửa tháng. Mặc dù ít quan hệ vợ chồng nhưng anh vẫn thương vợ, thương con nên anh H không đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ H.

-*Về con chung:* Anh Bùi Hồng H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Nguyên K, sinh ngày 04/7/2015 đến tuổi trưởng thành. Anh H không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Bùi Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Bùi Hồng H chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn anh Bùi Hồng H.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung là Bùi Nguyên K, sinh ngày 04/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Bị đơn anh Bùi Hồng H cư trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Bùi Hồng H kết hôn ngày 24/11/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H, sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, chị H và anh H đã không có việc quan hệ vợ chồng đã làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Hiện nay chị H không còn tình cảm với anh H, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẽ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị H và anh H sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị H và anh H có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị H và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có căn cứ, đúng pháp luật. Yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ H là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Bùi Hồng H có 01 con chung là Bùi Nguyên K, sinh ngày 04/7/2015. Chị H, anh H đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét yêu cầu được nuôi con Bùi Nguyên K của chị H và anh H. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh H cùng làm việc tại cơ quan B huyện K có mức thu nhập tương đương nhau (5.100.000 đồng/1 tháng), điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị H và anh H như nhau. Tuy nhiên cháu Bùi Nguyên K mới hơn 06 tuổi, cần có

sự chăm sóc của mẹ để phát triển toàn diện, việc giao cho chị H nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là Bùi Nguyên K, sinh ngày 04/7/2015 cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị H, anh H thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn anh Bùi Hồng H.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Nguyên K, sinh ngày 04/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H, anh H có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Bùi Hồng H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng*(Ba trăm nghìn đồng)*đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003067 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H. K;
- UBND phường T, tp BMT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)
Võ Thị Nhi